|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM**Số: /2024/TT-NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số* *102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:**

1. Sửa đổi điểm d, bổ sung điểm đ khoản 1 và bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi Điểm d khoản 1 Điều 1 như sau:

“d) Hạn chế, giới hạn cho vay;”

b) Bổ sung điểm đ sau điểm d khoản 1 Điều 1 như sau:

 “ đ) Tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu.”

c) Bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt không phải tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Thông tư này”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bãi bỏ khoản 2 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Khách hàng của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm thành viên của quỹ tín dụng nhân dân; pháp nhân, cá nhân không phải là thành viên có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân; hộ nghèo có quan hệ vay vốn với quỹ tín dụng nhân dân.”

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 2.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“**Điều 3. Hệ thống công nghệ thông tin**

Quỹ tín dụng nhân dân phải có hệ thống công nghệ thông tin để thực hiện các quy định tại Thông tư này, đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:

1. Lưu giữ, truy cập, bổ sung cơ sở dữ liệu về khách hàng, bảo đảm quản lý rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Thống kê, theo dõi, quản lý dòng tiền, các khoản mục vốn, tài sản, nợ phải trả; tính toán, quản lý, giám sát các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động.

3. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo quy định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, sửa đổi tiêu đề khoản 4, sửa đổi điểm a, điểm đ khoản 4 và bổ sung khoản 8 sau khoản 7 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Quỹ tín dụng nhân dân phải có quy định nội bộ về quản lý tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, quản lý thanh khoản (tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu) theo quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan. Các văn bản quy định nội bộ và các văn bản sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ phải do Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân ban hành hoặc phê duyệt.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Quy định nội bộ về quản lý thanh khoản tối thiểu gồm các nội dung sau:

a) Quy định về việc phân cấp, ủy quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận liên quan trong việc theo dõi và thực hiện các biện pháp để đảm bảo duy trì tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn; tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu;

b) Quy trình, thủ tục, các giới hạn quản lý thanh khoản và phương án dự phòng để đảm bảo duy trì tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư này;

c) Các quy định về quản lý ngân quỹ, thu, chi, nguồn vốn hằng ngày.

d) Các nguyên tắc, chính sách, quy trình nhận dạng, đo lường, theo dõi, kiểm soát, báo cáo và trao đổi thông tin rủi ro về khả năng chi trả, thanh khoản; các tiêu chí cảnh báo sớm về rủi ro thiếu hụt khả năng chi trả, thanh khoản và các phương án xử lý;

đ) Kế hoạch và biện pháp duy trì tài sản có có thể thanh toán ngay như tăng vốn điều lệ, tăng trích lập các quỹ, giảm hệ số rủi ro của tài sản có,…;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ đối với việc duy trì tỷ lệ khả năng chi trả, thanh khoản.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Quy định nội bộ về cho vay, quản lý khoản cho vay theo quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan, trong đó tối thiểu phải có nội dung sau:

a) Tiêu chí xác định khách hàng, người có liên quan với khách hàng của quỹ tín dụng nhân dân bao gồm trường hợp quy định tại các điểm b, c, đ và g khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2024; khách hàng với cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha;

b) Các giới hạn cho vay áp dụng đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan, cơ chế, nguyên tắc phân cấp, ủy quyền cho vay đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan;

c) Giới hạn cho vay tối đa trong tổng dư nợ cho vay đối với từng loại khách hàng là thành viên, khách hàng không phải là thành viên và khách hàng là hộ nghèo của quỹ tín dụng nhân dân;

d) Quy trình theo dõi đối với các khoản cho vay vượt quá 5% vốn tự có của quỹ tín dụng nhân dân;

đ) Quy định về việc báo cáo Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Đại hội Thành viên đối với các khoản cho vay thuộc đối tượng quy định tại điểm 1 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 .”

d) Bổ sung khoản 8 Điều 4 như sau:

“8. Trước ngày 31/12/2024, quỹ tín dụng nhân dân phải sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ cho phù hợp với quy định tại Thông tư này”.

5. Bổ sung Điều 7a như sau:

“**Điều 7a: Tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu**

1. Quỹ tín dụng nhân dân phải thường xuyên duy trì tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu không được vượt quá 20 lần.

2. Tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu được xác định theo công thức sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A | = |  B |
|  C |

Trong đó:

- A: tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu.

- B: tổng mức nhận tiền gửi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

- C: vốn chủ sở hữu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Tổng mức nhận tiền gửi bao gồm: tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của thành viên, tổ chức, cá nhân khác bằng đồng Việt Nam được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.

4. Vốn chủ sở hữu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán.”

6. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“**Điều 8. Hạn chế, giới hạn cho vay**

1. Quỹ tín dụng nhân dân căn cứ vốn tự có được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này tại cuối ngày làm việc gần nhất để xác định hạn chế, giới hạn cho vay đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng 2024.

2. Hội đồng quản trị quyết định các khoản cho vay đối với người thẩm định, người xét duyệt cho vay tại quỹ tín dụng nhân dân có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên hoặc giá trị khác thấp hơn theo quy định nội bộ của quỹ tín dụng nhân dân, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên. Các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định nội bộ của quỹ tín dụng nhân dân.”

7. Bổ sung Điều 8a sau Điều 8 như sau:

“**Điều 8a. Quỹ tín dụng nhân dân có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng chi trả.**

1. Quỹ tín dụng nhân dân có nguy cơ mất khả năng chi trả khi thiếu hụt Tài sản “Có” có thể thanh toán ngay ở mức 20% trở lên tại thời điểm tính toán tỷ lệ khả năng chi trả dẫn đến không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 03 tháng liên tục.

2. Quỹ tín dụng nhân dân mất khả năng chi trả khi không có khả năng thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ trong thời gian liên tục 01 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán hoặc quỹ tín dụng nhân dân có tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ từ 15% trở lên.

3. Khi có nguy cơ mất, mất khả năng chi trả, Quỹ tín dụng nhân dân phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.”

8. Bãi bỏ Điều 9, Điều 10.

9. Điều 11, Điều 12 và Điều 13 được sửa đổi, bổ sung thành Điều 9 như sau:

“**Điều 9. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với hợp đồng cho vay được ký kết trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng.

Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng cho vay đã ký chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung gia hạn phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và quy định của Thông tư này.

2. Đối với hợp đồng cho vay, giao dịch khác, thỏa thuận không xác định thời hạn, có nội dung không phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 được ký kết trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân và khách hàng được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025. Sau thời điểm này, quỹ tín dụng nhân dân và khách hàng phải thực hiện chấm dứt hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay, giao dịch khác, thoả thuận bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và Thông tư này.

3. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có các khoản cho vay đối với khách hàng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 2 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 được xử lý như sau:

a) Quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay thêm bất kỳ khoản vay nào đối với các khách hàng không đảm bảo quy định về giới hạn cho vay cho đến khi đáp ứng quy định về giới hạn cho vay tại khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 2 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

b) Quỹ tín dụng nhân dân phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:

(i) Danh sách khách hàng và các khoản cho vay đối với từng khách hàng vượt giới hạn;

(ii) Biện pháp và kế hoạch xử lý để đảm bảo quy định, bao gồm cả việc thu hồi nợ, tăng vốn điều lệ.

4. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có tỷ lệ tổng mức nhận tiền gửi so với vốn chủ sở hữu vượt quá giới hạn quy định tại Điều 7a Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân phải xây dựng phương án xử lý và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố. Phương án xử lý phải bao gồm các biện pháp tăng vốn chủ sở hữu và/hoặc biện pháp giảm dần tổng tiền gửi của khách hàng, lộ trình và thời gian để đảm bảo tuân thủ tỷ lệ theo quy định.”

10. Sửa đổi Điều 14 thành Điều 10 như sau:

“**Điều 10. Xử lý sau chuyển tiếp**

Sau thời hạn chuyển tiếp tại phương án xử lý quy định tại Điều 9 Thông tư này hoặc sau thời hạn tối đa do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố yêu cầu, quỹ tín dụng nhân dân không khắc phục được vi phạm thì tùy theo mức độ, tính chất rủi ro, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố áp dụng các biện pháp xử lý cần thiết bao gồm cả biện pháp cơ cấu lại theo quy định của pháp luật.”

11. Sửa đổi Điều 15 thành Điều 11 như sau:

“**Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc quỹ tín dụng nhân dân phải duy trì các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Hướng dẫn các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

c) Tiếp nhận quy định nội bộ của quỹ tín dụng nhân dân, yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân chỉnh sửa, bổ sung quy định nội bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này;

d) Thẩm định phương án xử lý, yêu cầu bổ sung, sửa đổi phương án xử lý của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này;

đ) Trên cơ sở kết quả thanh tra, giám sát các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, kiến nghị Ngân hàng Nhà nước về việc yêu cầu các quỹ tín dụng nhân dân duy trì áp dụng các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này.”

12. Bãi bỏ Điều 16 và Điều 17.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như khoản 2 Điều 2;- Ban Lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;- Lưu: VP, PC, TTGSNH3 (03 bản). | **THỐNG ĐỐC** |